TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2024/HNGĐ-PT
Ngày: 19-8-2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Phong Lan

Các Thẩm phán: Ông Bích Văn Nhiên

Ông Lê Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Minh Trí – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Phương Linh – Kiểm sát viên

Vào lúc 14 giờ, ngày 19 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 17/2024/TLPT-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*". Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 60/2024/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 24/2024/QĐ-PT ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị Thanh M, sinh năm: 1989
Nơi cư trú: Số A, đường số H, thôn D, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.
- *Bị đơn*: Ông Võ Văn H, sinh năm: 1986
Nơi cư trú: Số E, đường số H, thôn D, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.
- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Võ Văn H.

Tại phiên tòa có mặt bà M và ông H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

** Theo đơn khởi kiện ngày 01/12/2023, biên bản tự khai, biên bản hòa giải và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ, nguyên đơn bà Trần Thị Thanh M trình bày:*

Bà và ông H tự nguyện tìm hiểu khoảng 10 năm rồi đăng ký kết hôn tại UBND xã T từ năm 2014. Sau khi kết hôn thì ông bà chung sống hạnh phúc đến tháng 4 năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông bà

không tôn trọng ý kiến của nhau, ai làm gì cũng không hỏi ý kiến của người kia. Từ đó, dẫn đến cãi nhau và xô xát. Ngoài ra, ông H còn thường xuyên ăn nhậu, không phụ giúp công việc nhà cho bà và không làm ra tiền. Hiện tại ông bà đã ly thân từ ngày 30/4/2023 cho đến nay, từ đó bà về nhà mẹ ruột sinh sống, ông H thì sống tại nhà ông H. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông H, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung là Võ Thị Thanh M1, sinh ngày 25/5/2016 và Võ Văn Nguyên G, sinh ngày 01/11/2018. Khi ly hôn bà có nguyện vọng nuôi 02 con, bà yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi mỗi con 2.000.000đồng/tháng. Tuy nhiên, đến ngày 17/01/2024 bà có đơn rút yêu cầu về việc nuôi con chung. Bà có nguyện vọng để cho ông bà tự thỏa thuận về việc nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai tại phiên tòa, bị đơn ông Võ Văn H trình bày:*

Về hôn nhân: Về quá trình kết hôn thì bà M trình bày hoàn toàn đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn: Vợ chồng ông chung sống không có mâu thuẫn lớn, đến thời điểm ông Mai Thanh T lừa đảo ông số tiền tỷ thì vợ chồng ông mới phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Ông có vay của bà M số tiền 150.000.000đồng, có trả lãi 15.000.000đồng/tháng cho bà M, nhưng hiện tại bà M câu kết với người khác để yêu cầu ông phải trả số tiền 400.000.000 đồng và vợ chồng ông còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội số tiền 60.000.000 đồng. Ngoài ra, ông còn phát hiện bà M đã quan hệ bất chính với người đàn ông khác và hai gia đình đã ăn hỏi với nhau. Hiện tại ông bà đã ly thân từ tháng 12 năm 2023 đến nay. Ông thừa nhận nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn cũng một phần lỗi của ông, nguyên nhân từ việc ông bị lừa về tài sản nên mới thường xuyên ăn nhậu. Tuy nhiên, ông vẫn mong muốn được hàn gắn, những lỗi lầm bà M đã gây ra thì ông bỏ qua hết, để vợ chồng cùng nuôi dạy con. Ông không đồng ý ly hôn, ông yêu cầu Tòa án dừng hoặc hủy vụ hôn nhân mà bà M đang kiện. Vì ông đang điều tra vụ vợ ông giả chữ ký, cũng như điều tra vụ án ông bị lừa tài sản. Ngoài ra, nếu bà M cương quyết ly hôn thì ông yêu cầu Tòa án xử lý bà M vi phạm chế độ hôn nhân một vợ một chồng cũng như không đồng ý Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử vụ án mà chuyển hồ sơ lên Tòa án phúc thẩm để xét xử lại.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung là Võ Thị Thanh M1, sinh ngày 25/5/2016 và Võ Văn Nguyên G, sinh ngày 01/11/2018. Khi ly hôn ông bà sẽ tự thỏa thuận nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận.

Tại Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 60/2024/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã quyết định:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, 217, 218, 219 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân

và gia đình năm 2014; Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của bà Trần Thị Thanh M. Về hôn nhân: Bà Trần Thị Thanh M ly hôn ông Võ Văn H; Đình chỉ yêu cầu "tranh chấp nuôi con" trong đơn khởi kiện ngày 01/12/2023 của bà Trần Thị Thanh M. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/5/2024, bị đơn ông Võ Văn H có đơn kháng cáo cho rằng ông không đồng ý ly hôn với bà M vì vợ chồng ông còn nợ khoản vay tại Ngân hàng chính sách huyện Đ bà M phải cùng ông trả nợ; khoản nợ giữa ông và bà M và nhiều việc khác chưa được giải quyết rõ ràng; bà M vi phạm chế độ hôn nhân một vợ một chồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn ông Võ Văn H giữ nguyên nội dung kháng cáo nêu trên và cho rằng còn tình cảm với bà M nên không đồng ý ly hôn, yêu cầu không chấp nhận đơn khởi kiện của bà M.

- Nguyên đơn bà Trần Thị Thanh M yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tiến hành tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật.

Về nội dung: Xét thấy nguyên đơn và bị đơn không sống chung từ tháng 12 năm 2023 đến nay, cho thấy cuộc sống hôn nhân của hai người đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn là có căn cứ. Nếu bị đơn có tranh chấp với nguyên đơn về tiền nợ thì bị đơn có thể khởi kiện nguyên đơn bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Thủ tục kháng cáo của ông Võ Văn H là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Thanh M Hội đồng xét xử nhận thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Thanh M và ông Võ Văn H là hợp pháp, ông bà đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận vào ngày 14 tháng 02 năm 2014.

[3] Bà M và ông H đều cho rằng, trong quá trình chung sống ông bà có xảy ra nhiều mâu thuẫn nên hai người đã không sống chung từ tháng 12 năm 2023 đến nay, tuy nhiên ông H còn tình cảm với bà M và còn nhiều việc khác chưa giải quyết xong nên ông không đồng ý ly hôn. Xét thấy, trong quá trình chung sống ông H và bà M có xảy ra mâu thuẫn là có thật và thực tế cuộc sống vợ chồng đã không còn duy trì từ tháng 12 năm 2023, cho thấy mục đích của kết hôn để xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được. Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận cho bà M được ly hôn với ông H là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm ông H cho rằng vợ chồng tuy có mâu thuẫn nhưng chưa nghiêm trọng, ông vẫn còn yêu thương bà M nên mong muốn đoàn tụ để chăm sóc các con, tuy nhiên bà M vẫn cương quyết ly hôn và không đồng ý trở về chung sống, ông H không có giải pháp cụ thể nào để cải thiện tình cảm vợ chồng trong khi hai người đã sống ly thân. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng chỉ thực sự hạnh phúc khi được xây dựng trên cơ sở tình cảm từ hai phía. Với thực tế cuộc sống vợ chồng đang sống ly thân như hiện nay thì việc ông H yêu cầu đoàn tụ là không thực hiện được. Ông H còn cho rằng, bà M vi phạm chế độ hôn nhân một vợ một chồng thể hiện qua các hình ảnh bà M chụp hình chung với một số người đăng trên Facebook, bà M cho rằng đó là bạn bè của bà. Do đó, yêu cầu kháng cáo của ông H không có căn cứ để chấp nhận.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm ông H không có đơn yêu cầu phản tố về số nợ trong quá trình chung sống. Nếu ông H có tranh chấp với bà M về các khoản nợ theo như ông trình bày thì khởi kiện bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Võ Văn H, giữ nguyên bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Võ Văn H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[8] Các Quyết định khác của bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Võ Văn H. Giữ nguyên Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 60/2024/HNGĐ-ST ngày 29/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

[2] Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 244 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự của năm 2015; Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56 của

Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3] Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của bà Trần Thị Thanh M. Bà Trần Thị Thanh M được ly hôn ông Võ Văn H.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Ông Võ Văn H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0004584 ngày 07/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Ông H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các Quyết định khác của Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 60/2024/HNGĐ-ST ngày 29/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (19/8/2024).

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND huyện Đức Linh;
- CCTHADS huyện Đức Linh;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, Tổ HCTP, Tòa HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Phong Lan